

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,042,728,526,160	994,853,217,401
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	79,375,773,673	74,372,174,639
1. Tiền	111		44,375,773,673	70,872,174,639
2. Các khoản tương đương tiền	112		35,000,000,000	3,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		52,790,554,240	50,285,080,200
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	56,131,038,392	53,625,564,352
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3,340,484,152)	(3,340,484,152)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		677,299,748,951	694,348,510,614
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	550,930,874,849	565,638,090,020
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	23,955,231,330	27,310,188,573
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	V.6	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.7	108,297,277,861	107,283,867,110
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.8	(5,883,635,089)	(5,883,635,089)
IV. Hàng tồn kho	140		198,048,813,528	151,757,013,520
1. Hàng tồn kho	141	V.9	201,766,199,975	155,474,399,967
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.10	(3,717,386,447)	(3,717,386,447)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35,213,635,768	24,090,438,428
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1,816,232,637	4,111,522,708
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6,791,090,132	5,498,286,215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.12	3,594,437,697	4,742,245,866
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.13	23,011,875,302	9,738,383,639

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số cuối năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		531,615,611,961	518,249,758,735
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,384,164,843	3,279,402,191
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		3,384,164,843	3,279,402,191
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		414,316,416,975	401,094,130,198
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	33,563,226,728	35,593,500,374
<i>Nguyên giá</i>	222		69,883,163,089	69,706,517,725
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(36,319,936,361)	(34,113,017,351)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.15	5,731,072,951	5,815,759,111
<i>Nguyên giá</i>	228		7,668,016,028	7,668,016,028
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,936,943,077)	(1,852,256,917)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	375,022,117,296	359,684,870,713
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		111,081,596,346	110,538,322,748
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.17	10,124,917,464	10,124,917,464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	96,790,396,346	96,247,122,748
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	14,291,200,000	14,291,200,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(10,124,917,464)	(10,124,917,464)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,833,433,797	3,337,903,598
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	1,722,559,588	1,897,242,922
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	1,074,074,209	1,403,860,676
3. Tài sản dài hạn khác	268		36,800,000	36,800,000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,574,344,138,121	1,513,102,976,136

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,328,387,427,673	1,307,635,314,144
I. Nợ ngắn hạn	310		902,015,852,500	952,476,251,088
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	614,327,098,336	641,547,624,462
2. Phải trả người bán	312	V.24	220,374,867,207	207,163,597,166
3. Người mua trả tiền trước	313	V.25	22,860,680,081	10,584,474,529
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.26	5,389,869,072	4,681,873,235
5. Phải trả người lao động	315		4,449,054,035	5,810,836,244
6. Chi phí phải trả	316	V.27	8,549,499,804	10,088,403,517
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318	V.28	841,050,000	244,350,000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.29	14,111,338,649	62,718,388,515
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.30	6,478,744,827	6,483,564,827
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.33	4,633,650,489	3,153,138,593
II. Nợ dài hạn	330		426,371,575,173	355,159,063,056
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.31	240,489,984,816	184,264,009,423
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.32	185,152,979,307	170,132,166,159
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	16,874,624
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.33	728,611,050	746,012,850
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		237,899,357,610	196,918,019,656
I. Vốn chủ sở hữu	410		237,899,357,610	196,918,019,656
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.34	100,000,000,000	80,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.34	81,374,710,500	61,375,354,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.34	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(46,039,928)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.34	11,035,448,206	9,906,286,807
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.34	8,849,198,404	6,590,875,607
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.34	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.34	36,640,000,500	39,091,543,170
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8,057,352,838	8,549,642,336
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,574,344,138,121	1,513,102,976,136

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		385,152,195	385,152,195
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		13,388.58	240,744.02
Euro (EUR)		5,116.78	4,791.63
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2010

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng**Phạm Anh Tuấn**
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 1-NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1-2010	QUÝ 1-2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	530,418,318,446	433,410,916,365
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	530,418,318,446	433,410,916,365
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	507,824,939,013	416,221,532,511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22,593,379,433	17,189,383,854
6. Doanh thu tài chính	21	VI.3	3,292,114,338	2,959,890,118
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12,712,214,140	10,087,358,272
Trong đó: chi phí lãi vay	23		12,579,587,410	7,812,179,409
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,687,706,071	1,057,176,728
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	8,545,763,579	5,855,976,983
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2,939,809,981	3,148,761,989
11. Thu nhập khác	31	VI.7	501,025,683	
12. Chi phí khác	32	VI.8	22,564,278	15,406,508
13. Lợi nhuận khác	40		478,461,405	(15,406,508)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	697,047,348	984,091,604
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,115,318,734	4,117,447,085
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.26	903,403,623	749,122,704
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.22	312,911,843	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2,899,003,268	3,368,324,381
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(492,289,499)	(19,854,901)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3,391,292,767	3,388,179,282
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	395	426



[Signature]

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ 1-NĂM 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1-2010	QUÝ 1-2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		4,115,318,734	4,117,447,085
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.14, V.15	2,291,605,170	2,167,049,025
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.8, V.10, V.20	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.4	(2,834,787,551)	(1,741,941,453)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	12,579,587,410	7,812,179,409
3. <i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		16,151,723,763	12,354,734,066
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		56,853,916,491	52,773,120,654
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(48,458,792,519)	(19,585,694,925)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		28,919,031,973	62,033,697,359
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2,469,973,405	4,858,834,610
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27, VI.4	7,400,263,269	(7,824,941,075)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.26	(963,441,596)	(65,080,186)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		33,861,749,992	30,415,453,549
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(87,835,207,761)	(60,399,283,963)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<u>8,399,217,017</u>	<u>74,560,840,089</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.14, V.16	(8,313,676,179)	(19,616,172,775)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(2,500,000,000)	(1,780,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	-	500,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2, V.18, V.19	(548,747,638)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	344,713,332
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2,375,162,312	1,741,941,453
<i>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</i>	30		<u>(8,987,261,505)</u>	<u>(18,809,517,990)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

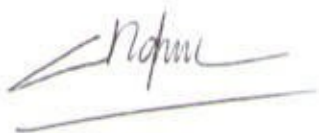
Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 1-2010	QUÝ 1-2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		19,999,356,500	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.23, V.32	498,313,903,480	406,455,181,720
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.23, V.32	(510,513,616,458)	(491,218,196,026)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2,208,000,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5,591,643,522	(84,763,014,306)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5,003,599,034	(29,011,692,207)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	74,372,174,639	91,979,194,730
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	79,375,773,673	62,967,502,523



Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



(TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2010)

Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1- NĂM 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xây dựng và kinh doanh vật tư và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại, dịch vụ, xây dựng, đầu tư, sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, chát phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiêu thụ công nghiệp;
Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác;
Đầu tư kinh doanh nhà, xe máy thiết bị, phụ tùng và các phương tiện vận tải, hàng điện tử, gốm sứ, các sản phẩm nhựa, cao su, nông sản, thực phẩm;
Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa, kho bãi (không được sản xuất vật liệu xây dựng, nhựa, cao su; chế biến thực phẩm tươi sống trong khu dân cư tập trung ở TP. Hồ Chí Minh);
...
- Tổng số các công ty con** : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA-PSMC	Lô 1699 Khu công nghiệp Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An	70%	60%

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lý do</i>
Công ty C&T Ukraina	Ukraina, Odessa city, Cnhiznui Pereulok 11	Chưa có Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển An Phổ Đông	Số 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	Lầu 3-số 49 Lê Quốc Hưng, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	45,57%	45,57%
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	Số 49 Lê Quốc Hưng, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	41,12%	41,12%
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Ấp Phước Lộc, xã Tân Phước, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, đường số 2, xã Phước Thiện, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	27,12%	27,12%
Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	Số 4/4 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Hội đồng quản trị đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký sổ cái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho:

- Nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho: thực tế đích danh.
- Thành phẩm tồn kho: bình quân gia quyền.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang đối với hoạt động xây lắp: được đánh giá theo tỷ lệ hoàn thành công trình.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	2-7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3-8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 1 - 3 năm.

Tiền thuê nhà

Tiền thuê nhà được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo hợp đồng.

Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính từ 0,5% đến 2% trên doanh thu.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

17. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 18.645 VND/USD
31/03/2010 : 19.100 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

21. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được khách hàng phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn, chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên có liên quan với Tập đoàn được trình bày ở thuyết minh VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6,355,651,351	2,223,089,988
Tiền gửi ngân hàng	38,020,122,322	68,649,084,651
Các khoản tương đương tiền (*)	35,000,000,000	3,500,000,000
Cộng	79,375,773,673	74,372,174,639

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh & tiền gửi có kỳ hạn 1 tuần tại NH PT nhà ĐB Sông Cửu Long-CN Gia Định

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	15,426,850,592	15,421,376,552
Cổ phiếu	15,426,850,592	15,421,376,552
Đầu tư ngắn hạn khác	40,704,187,800	38,204,187,800
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 1 năm (*)	11,859,787,800	11,859,787,800
Đầu tư ngắn hạn khác	28,844,400,000	26,344,400,000
Cộng	56,131,038,392	53,625,564,352

(*) Khoản tiền này đã được thế chấp để đảm bảo nợ vay tại các Ngân hàng.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Số đầu năm	(3.340.484.152)
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	(3.340.484.152)

4. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1	21,128,171,620	15,485,378,650
Khách hàng bên ngoài	529,802,703,229	550,152,711,370
Cộng	550,930,874,849	565,638,090,020

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án	2,048,733,333	2,148,733,333
Nhà cung cấp xi măng	2,250,109,325	6,015,820,271
Nhà cung cấp dịch vụ - vận chuyển	730,064,000	
Nhà thầu phụ	11,082,307,350	8,887,284,065
Kinh doanh đất	3,552,997,533	4,503,899,333
Nhà cung cấp vật tư khác	4,291,019,789	5,754,451,571
Cộng	23,955,231,330	27,310,188,573

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi dự thu	-	
Công ty TNHH thương mại và sản xuất Bảo Ngọc Tú – tiền hợp tác đầu tư xây dựng chung cư Phú Long	41,109,000,000	41,109,000,000
Phải thu tiền chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	44,655,300,000	44,655,300,000
Cổ tức phải thu Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hưng Phú Long	11,662,000,000	11,662,000,000
Phải thu khác	7,160,000,000	7,160,000,000
	3,710,977,861	2,697,567,110
	108,297,277,861	107,283,867,110

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi :**(5.883.635.089)**

Dự phòng 100% cho những khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi.

9. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	10,875,758,252	4,437,279,264
Công cụ, dụng cụ	207,826,887	266,763,532
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31,086,172,566	17,725,684,326
Thành phẩm	4,378,028,922	2,446,234,064
Hàng hóa	150,091,289,845	129,196,342,107
Hàng gửi đi bán	5,127,123,503	1,402,096,674
Cộng	201,766,199,975	155,474,399,967

10. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Khoản dự phòng giảm giá cho hàng hóa tồn kho chậm luân chuyển và dự phòng tổn thất hàng tồn kho 06 xe nhập khẩu năm 2004 gửi kho Công ty TNHH thương mại – vận tải – dịch vụ Đức Vinh đang tranh chấp.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	3,717,386,447
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối năm	3,717,386,447

11. Chi phí trả trước ngắn hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	248,811,474	122,396,363	(125,881,700)	245,326,137
Chi phí sửa chữa	12,648,184	85,020,908	(24,143,783)	73,525,309
Chi phí bảo lãnh xây lắp		65,690,190	(56,422,513)	9,267,677
Chi phí dự án	38,360,000	3,993,000		42,353,000
Vật tư cho thuê	2,822,535,141	1,238,450,570	(4,060,985,711)	-
Các chi phí khác	989,167,909	2,610,222,585	(2,153,629,980)	1,445,760,514
Cộng	4,111,522,708	4,125,773,616	(6,421,063,687)	1,816,232,637

12. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng nhập khẩu nộp thừa	49.022.228	397.982.051
Thuế nhập khẩu tạm nộp	3.545.435.469	4.344.263.815
Cộng	3.594.437.697	4.742.245.866

13. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	7,706,861,970	5,373,958,982
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15,305,013,332	4,364,424,657
Cộng	23,011,875,302	9,738,383,639

14. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14,229,159,057	49,494,856,950	4,719,703,493	1,262,798,225	69,706,517,725
Tăng trong năm	-	301,299,000		14,546,364	315,845,364
<i>Mua trong năm</i>		<i>301,299,000</i>		<i>14,546,364</i>	<i>315,845,364</i>
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>					-
Giảm trong năm			(139,200,000)		(139,200,000)
<i>Thanh lý nhượng bán</i>					
Số cuối năm	14,229,159,057	49,796,155,950	4,580,503,493	1,277,344,589	69,883,163,089
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	<i>11.350.816.473</i>	<i>1.344.143.062</i>	<i>636.417.549</i>	<i>13.331.377.084</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3,783,938,051	26,113,094,393	3,253,587,158	962,397,749	34,113,017,351
Khấu hao trong năm	297,986,224	1,854,609,535	129,435,583	67,837,668	2,349,869,010
Giảm trong năm		-	(142,950,000)		(142,950,000)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>					-
Số cuối năm	4,081,924,275	27,967,703,928	3,240,072,741	1,030,235,417	36,319,936,361

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10,445,221,006	23,381,762,557	1,466,116,335	300,400,476	35,593,500,374
Số cuối năm	10,147,234,782	21,828,452,022	1,340,430,752	247,109,172	33,563,226,728

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 40.416.683.046 VND và 21.055.587.160 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng.

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7,537,894,755	130,121,273	7,668,016,028
Tăng trong năm			-
Số cuối năm	7,537,894,755	130,121,273	7,668,016,028
Trong đó:			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	87.000.000	87.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1,742,212,681	110,044,236	1,852,256,917
Khấu hao trong năm	79,796,001	4,890,159	84,686,160
Số cuối năm	1,822,008,682	114,934,395	1,936,943,077
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5,795,682,074	20,077,037	5,815,759,111
Số cuối năm	5,715,886,073	15,186,878	5,731,072,951

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 6.383.680.000 VND và 4.561.671.318 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Chợ Lớn.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	44,618,570	400,000,000		444,618,570
XDCB dở dang	359,640,252,143	14,937,246,584		374,577,498,726
- Dự án lấn biển Hà Tiên	124,767,240,093	6,224,680,085		130,991,920,177
- Dự án C&T Plaza - Q2	210,669,433,908	8,008,901,486		218,678,335,394
- Dự án cảng Phước Hòa	23,573,480,145	155,121,746		23,728,601,891
- Các công trình khác	630,097,997	548,543,267		1,178,641,264
	359,684,870,713	15,337,246,584		375,022,117,296

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào công ty con - Công ty C&T Ukraina bị loại khỏi quá trình hợp nhất (xem Thuyết minh số I.6).

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần	Vốn đầu tư
	Công ty sở hữu	
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	45,57%	6,615,711,055
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	41,12%	7,456,616,490
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	40,00%	3.013.851.395
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển An Phố Đông	49,00%	43,026,996,792
Công ty TNHH XD - TM và KD nhà An Phúc	50,00%	26,733,728,157
Công ty cổ phần bao bì Nhôn Trạch	27,12%	9.943.492.457
Cộng		96.790.396.346

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư trái phiếu Chính phủ 5 năm	121,200,000	121,200,000
Công ty bê tông xây dựng Thăng Long	10,200,000,000	10,200,000,000
Dự án BOT cầu Đồng Nai	2,400,000,000	2,400,000,000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Huy Thục	1,000,000,000	1,000,000,000
Công ty TNHH XD dân dụng và công nghiệp Phía Nam	570,000,000	570,000,000
Cộng	14,291,200,000	14,291,200,000

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
Dự phòng khoản lỗ của công ty con C&T Ukraina	10.124.917.464	10.124.917.464
Cộng	10.124.917.464	10.124.917.464

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	117,287,368			117,287,368
Tiền thuê nhà	974,400,000		(91,350,000)	883,050,000
Chi phí phát hành trái phiếu	805,555,554		(83,333,334)	722,222,220
Cộng	1,897,242,922		(174,683,334)	1,722,559,588

23. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	121,427,473,422	148,826,578,891
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	175,454,637,038	165,594,326,645

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh		
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 6	24,521,450,717	24,591,260,394
Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4	54,874,753,602	54,984,267,810
Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	149,736,704,262	146,204,640,254
Công ty tài chính dầu khí – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	20,583,501,661	29,764,622,726
Công ty tài chính CP Xi Măng	4,005,313,980	
Ngân hàng Cp Quận Đội -CN Chợ Lớn	63,723,263,654	71,581,927,742
Cộng	614,327,098,336	641,547,624,462

- (a) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố quyền sở hữu phần vốn góp của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích và Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biên Tây, quyền sử dụng đất đối với 11 lô đất tại thị xã Hà Tiên - Kiên Giang và toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác (khi ngân hàng có yêu cầu), các khoản phải thu (khi ngân hàng có yêu cầu).
- (b) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng bằng quyền sử dụng đất tại Hà Tiên, cổ phiếu Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1 trị giá 9.862.152.867 VND và tín chấp.
- (c) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố theo Hợp đồng số 1605-LCP-200700095 (hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 48/HĐTG/2007 có giá trị 10.859.787.000) và một phần tín chấp (dư nợ bảo lãnh là tín chấp).
- (d) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo theo theo Hợp đồng thế chấp số 08.0221005 ngày 31/10/2008 (quyền đòi nợ), Hợp đồng thế chấp số 08.0221006 ngày 31/10/2008 (tài sản là máy móc, thiết bị).
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp thông qua quản lý nguồn thu và tín chấp.
- (f) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Chợ Lớn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng 13.864 m² đất tại phường 16, quận 8, TP. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty TNHH thương mại xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc.
- Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội – Chi nhánh Chợ Lớn để bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên, nhiên vật liệu, lương công nhân sản xuất, vận chuyển sản phẩm bê tông đúc sẵn cung cấp cho công trình Khu liên hiệp xử lý chất thải rắn Tây Bắc, TP. Hồ Chí Minh - Bãi chôn lấp số 2. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà máy bê tông đúc sẵn Vina - PSMC tại thửa đất số 1699, xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, máy móc thiết bị, hàng hóa và quyền đòi nợ.
- (h) Khoản vay Công ty tài chính dầu khí – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc ngân hàng quản lý nguồn thu từ các hợp đồng do ngân hàng tài trợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

Số đầu năm	641,547,624,462
Số tiền vay phát sinh trong năm	469,551,918,110
Số tiền đã trả trong năm	(496,772,444,236)
Số cuối năm	614,327,098,336

24. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án	62,000,000	79,844,001
Các đơn vị dịch vụ	3,748,841,082	10,205,941,224
Các đơn vị mua ngoài	29,086,074,531	17,241,376,650
Các đơn vị nội bộ	19,414,448,594	15,756,371,120
Các nhà máy thép	105,922,519,206	118,265,685,999
Các nhà máy xi măng	32,731,351,768	15,271,978,255
Các thầu phụ XL	20,906,572,702	23,499,478,594
Các nhà cung cấp khác	8,503,059,324	6,842,921,323
Cộng	220,374,867,207	207,163,597,166

25. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1		
Khách hàng bên ngoài	22,860,680,081	10,584,474,529
Cộng	22,860,680,081	10,584,474,529

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	934,301,187	8,464,908,444	(9,399,209,631)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	71,141,003	3,467,712,395	(1,595,071,298)	1,943,782,100
Thuế xuất, nhập khẩu	(4,295,855,162)	1,428,720,490	(483,271,518)	(3,350,406,190)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,679,133,759	903,403,623	(963,441,596)	2,619,095,786
Thuế thu nhập cá nhân	296,663,242	209,666,455	(213,388,700)	292,940,997
Thuế tài nguyên	119,291,040	159,188,060	(209,527,260)	68,951,840
Các loại thuế khác	134,952,300	181,393,719	(95,279,177)	221,066,842
Cộng	(60,372,631)	14,814,993,186	(12,959,189,180)	1,795,431,375

Trong đó :

Thuế phải nộp Nhà Nước đến 31/03/2010	5,389,869,072
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	(3,594,437,697)

(*) Trong đó khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.11),

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng xuất khẩu:	0%
- Sắt, thép, vận chuyển, cọc ván bê tông, phế liệu:	10%
- Các hoạt động khác:	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.15.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1,446,000,000	1,742,967,540
Chi phí khác	7,103,499,804	8,345,435,977
Cộng	8,549,499,804	10,088,403,517

29. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXX+BHYT+KPCĐ phải nộp	350,980,559	101,409,582
Công ty CP Xây dựng Số 5		45,000,000,000
Phải trả cho các khách hàng xây lắp - TK 141	6,492,857,066	8,282,996,548
Phải trả cho các khách hàng dịch vụ ủy thác nhập khẩu - TK 3388	3,275,518,868	3,124,049,109
Cổ tức phải trả	648,470,499	2,836,839,499
Phải trả khác	3,343,511,657	3,373,093,777
Cộng	14,111,338,649	62,718,388,515

30. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí bảo hành các công trình xây dựng. Chi tiết số phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	6,483,564,827
Tăng do trích lập trong năm	
Số đã sử dụng trong năm	(4820000)
Số đã hoàn nhập trong năm	
Số cuối năm	6,478,744,827

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**31. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Đầu tư Xây Dựng Phát triển Sông Đà góp vốn cho dự án quận 2-TP HCM	28,015,260,000	28,015,260,000
Công ty CP Xây Dựng số 5 góp vốn dự án An Phúc -Quận 8	56,062,500,000	
Khách hàng ứng tiền trước cho các dự án	156,412,224,816	156,248,749,423
- Đất Rạch Giá	7,656,561,600	7,656,561,600
- Khu đô thị mới Thị xã Hà Tiên	33,670,431,966	33,506,956,573
- C&T Plaza	115,085,231,250	115,085,231,250
Cộng	240,489,984,816	184,264,009,423

32. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	97,479,274,176	103,472,036,278
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang (a)	41,514,274,176	47,507,036,278
Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long – Chi nhánh Gia Định(b)	55,965,000,000	55,965,000,000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	47,673,705,131	26,660,129,881
Vay dài hạn cá nhân (c)	28,673,705,131	26,660,129,881
Tổng Công ty xây dựng số 1 (d)	19,000,000,000	
Nợ dài hạn	40,000,000,000	40,000,000,000
Phát hành trái phiếu-kỳ hạn 3 năm	40,000,000,000	40,000,000,000
Cộng	185,152,979,307	170,132,166,159

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang để đầu tư dự án lấn biển khu đô thị mới Kiên Giang trong thời gian 5 năm. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Khoản vay Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian 36 tháng để tài trợ dự án tại phường An Phú, quận 2, TP. Hồ Chí Minh. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản.
- (c) Khoản vay của các cá nhân để đầu tư các dự án trong thời gian 18 tháng.
- (d) Khoản vay của Tổng Công ty xây dựng số 1 để đầu tư các dự án.
- (e) Phát hành trái phiếu được bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc khi đáo hạn, là trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản thế chấp để sử dụng cho việc tái cơ cấu tài chính, cải thiện chỉ số thanh toán và đáp ứng một phần cho việc đền bù giải tỏa một số dự án bất động sản. Mệnh giá: 1.000.000 VND. Thời hạn 3 năm, lãi suất 12%/năm cố định cho 06 tháng đầu của năm thứ nhất, sau đó tính bằng lãi suất bình quân huy động tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của 5 Ngân hàng (Vietcombank, Agibank, Vietinbank, BIDV và MB) vào thời điểm tại ngày tính lãi cộng (+) 3,5%/năm.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	97,479,274,176		97,479,274,176	-
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân	47,673,705,131		47,673,705,131	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
nhân khác				
Trái phiếu	40.000.000.000		40.000.000.000	-
Cộng	185,152,979,307		185,152,979,307	-

Chi tiết số phát sinh như sau:

Số đầu năm	170,132,166,159
Số tiền phát sinh trong năm	28,761,985,370
Số tiền đã trả trong năm	(13,741,172,222)
Số cuối năm	185,152,979,307

33. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	746.012.850
Số trích lập trong năm	
Số chi trong năm	(17.401.800)
Số cuối năm	728.611.050

34. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 31.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	2.208.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	
Cộng	2.208.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Tập đoàn.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

35. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	3,153,138,593
Số trích lập trong kỳ	2,305,327,490
Số chi trong kỳ	(824,815,594)
Số cuối kỳ	4,633,650,489

VI. THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Tổng doanh thu	530,418,318,446	433,410,916,365
- Doanh thu bán hàng hóa	510,736,218,512	378,963,376,863
- Doanh thu bán hàng thành phẩm		4,549,907,704
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,006,125,878	1,419,225,678
- Doanh thu kinh doanh bất động sản		422,989,691
- Doanh thu hoạt động xây dựng	17,675,974,056	48,055,416,429
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	530,418,318,446	433,410,916,365

2. Giá vốn hàng bán

	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	490,616,976,255	366,218,359,004
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(a)		2,857,496,648
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,072,207,517	698,127,853
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản		465,288,660
Giá vốn của hợp đồng xây dựng ^(b)	16,135,755,241	45,982,260,346
Cộng	507,824,939,013	416,221,532,511

^(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		6,783,703,508
Chi nhân công trực tiếp		504,180,925
Chi phí sản xuất chung		968,384,298
Tổng chi phí sản xuất		8,256,268,731
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Tổng giá thành sản xuất		8,256,268,731
Chênh lệch tồn kho thành phẩm		1,383,624,056
Chênh lệch hàng gửi đi bán		(6,782,396,139)
Chênh lệch thừa thiếu kiểm kê		
Chênh lệch dự phòng giảm giá hàng tồn kho		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Cộng	-	2,857,496,648
(b) Giá vốn hợp đồng xây dựng trong năm như sau:		
	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	9,234,940,922	18,976,317,635
Chi nhân công trực tiếp	946,146,838	1,181,069,817
Chi phí sử dụng máy thi công	8,018,913,668	14,273,231,287
Chi phí sản xuất chung	1,254,180,999	3,053,617,928
Tổng chi phí sản xuất	29,454,182,427	37,484,236,667
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-13,318,427,186	8,498,023,679
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	16,135,755,241	45,982,260,346
3. Doanh thu hoạt động tài chính	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	319,676,383	53,263,333
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	485,980,392	431,405,118
Lãi tiền cho vay	-	
Lãi bán hàng trả chậm	1,947,304,130	864,053,229
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6,533,600	
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	524,239,183	1,509,768,543
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8,380,650	101,399,895
Thu nhập tài chính khác	3,292,114,338	2,959,890,118
4. Chi phí tài chính	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Chi phí lãi vay	12,579,587,410	7,812,179,409
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	49,293,396	2,270,298,863
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Chi phí tài chính khác	83,333,334	4,880,000
Chi phí tài chính khác	12,712,214,140	10,087,358,272
5. Chi phí bán hàng	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Chi phí cho nhân viên	540,000	8,203,290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,553,056,594	263,430,760
Chi phí khác	134,109,477	785,542,678
Cộng	1,687,706,071	1,057,176,728
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Chi phí nhân viên quản lý	4,227,568,633	2,830,372,773
Chi phí vật liệu quản lý		67,702,213
Chi phí đồ dùng văn phòng	5,490,000	181,247,862

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Chi phí khấu hao TSCĐ	207,106,974	
Thuế, phí và lệ phí	-	7,000,000
Chi phí dự phòng	-	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	433,143,031	292,926,785
Chi phí bằng tiền khác	3,672,454,941	2,476,727,350
Cộng	8,545,763,579	5,855,976,983
7. Thu nhập khác		
	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Thanh lý tài sản cố định		
Thu tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng		
Thu khác	501,025,683	
Cộng	501,025,683	-
8. Chi phí khác		
	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Chi phí thanh lý tài sản cố định		
Trả tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng	4,000,000	
Chi khác	18,564,278	15,406,508
Cộng	22,564,278	15,406,508
9. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		
	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích	239,633,895	307,671,653
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Biển Tây		318,716,126
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Huy Thục		130,295,652
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	457,413,453	227,408,173
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Phước Hòa		
Cộng	697,047,348	984,091,604
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	QUÝ 1- NĂM 2010	QUÝ 1- NĂM 2009
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	3,391,292,767	3,388,179,282
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3,391,292,767	3,388,179,282
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8.577.778	7.944.300

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>QUÝ 1- NĂM 2010</u>	<u>QUÝ 1- NĂM 2009</u>
trong năm (*)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	395	426

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>QUÝ 1- NĂM 2010</u>	<u>QUÝ 1- NĂM 2009</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	7.944.300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	577.778	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.577.778	7.944.300

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Nghiệp vụ giữa Công ty mẹ với các công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Nghiệp vụ giữa Công ty mẹ với các công ty con và công ty liên kết được công bố trong Báo cáo tài chính riêng của từng công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty xây dựng số 1	Cổ đông chiếm 34,5% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây	Công ty liên kết chiếm 41,12% vốn điều lệ
Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích	Công ty liên kết chiếm 45,57% vốn điều lệ
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Phước Hòa	Công ty liên kết chiếm 40,00 % vốn điều lệ
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển An Phố Đông	Công ty liên kết chiếm 49% vốn điều lệ
Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch	Công ty liên kết chiếm 27,12% vốn điều lệ
Công ty TNHH thương mại – xây dựng và kinh doanh nhà An Phúc	Công ty liên kết chiếm 50% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Giao dịch trong năm	Quý 1/2010	Quý 1/2009
<i>Tổng Công ty xây dựng số 1</i>		
Thực hiện xây lắp	-	-
Bán vật tư	7,312,413,020	1,570,425,635
Bán vé máy bay	105,737,000	
<i>Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA-PSMC</i>		
Cho vay		
Bán vật tư - không VAT	3,721,810,074	6,092,212,933
Lãi bán vật tư trả chậm	421,324,582	701,860,051

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây</i>	<i>có VAT</i>	<i>có VAT</i>
Bán vật tư + lãi chậm trả	107,299,487	219,795,117
Khai thác đá	1,257,612,198	541,976,866
Giao thầu xây lắp		1,023,358,848
Mua vật tư	17,073,546,415	13,315,654,508
Thu hoàn ứng		6,400,000,000
Cho vay		1,000,000,000
<i>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích</i>		
Bán vật tư + lãi chậm trả	17,922,807,383	9,365,191,139
Mua vật tư	10,295,174,169	15,492,116,195
Thu hồi tiền ứng mua vật tư		25,193,155,341
<i>Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch</i>		
Bán vật tư	19,602,866	5,380,000,000
Mua vật tư		477,886,342
<i>Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa</i>		
Giao thầu xây lắp	12,499,591,891	3,566,181,506
Bán vật tư	2,416,042,949	2,360,770,556
Mua vật tư		1,294,797,494
Cho vay		500,000,000
II. Công nợ cuối năm - Phải thu	Quý 1/2010	Quý 1/2009
<i>Tổng Công ty xây dựng số 1</i>		
Thực hiện xây lắp	1,306,110,033	3,233,658,433
Bán vật tư	16,589,924,161	1,474,900,635
Bán vé máy bay	86,851,000	327,058,274
<i>Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA- PSMC</i>		
Thực hiện xây lắp		
Bán vật tư	18,708,393,355	25,561,069,674
<i>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây</i>		
Bán vật tư	887,942,095	839,550,008
Khai thác đá Trà Đước	2,538,664,572	1,224,965,388
Cho vay	1,000,000,000	1,000,000,000
<i>Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích</i>		
Bán vật tư	24,635,926,896	13,781,218,469

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch**

Bán vật tư	19,602,866	1,480,000,000
------------	------------	---------------

Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa

Giao thầu xây lắp		242,755,659
Bán vật tư	4,059,772,858	305,441,028
Cho vay	-	-

III. Công nợ cuối năm - Phải trả**Quý 1/2010****Quý 1/2009****Tổng Công ty xây dựng số 1**

Bán vật tư		336,321,234
------------	--	-------------

Công ty liên doanh bê tông đúc sẵn VINA-PSMC

Giao thầu xây lắp	1,068,493,300	1,068,493,300
-------------------	---------------	---------------

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Biển Tây

Giao thầu xây lắp		5,060,422,573
Mua vật tư (S-059)	4,445,983,013	5,467,876,025

Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ban Tích

Mua vật tư	1,891,150,612	-
------------	---------------	---

Công ty cổ phần xây dựng Huy Thực

Giao thầu xây lắp	99,282,608	99,282,608
Nhập ủy thác		36,603,000

Công ty cổ phần bao bì Nhơn Trạch

Mua vật tư		477,886,342
------------	--	-------------

Công ty CP Đầu Tư An Phố Đông

Tiền đền bù dự án	115,085,231,250	45,091,012,500
-------------------	-----------------	----------------

Công ty CP đầu tư & XD Phước Hòa

Giao thầu xây lắp	7,017,317,300	
-------------------	---------------	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2010

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH VẬT TƯ

Địa chỉ: Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BẢO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80,000,000,000	60,004,226,000	(557,000,000)	-	9,017,198,250	4,833,543,405	1,400,499,891	154,698,467,546
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	-	1,371,128,000	557,000,000	-	-	-	-	1,928,128,000
Điều chỉnh khoản hỗ trợ tài chính năm 2007 cho Công ty An Phú Đồng	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	17,682,750,000	17,682,750,000
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	42,853,139,870	42,853,139,870
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	1,778,177,115	(5,400,899,280)	(2,733,633,608)
Giảm khác (*)	0	0	0	0	0	0	(15,933,160,000)	(15,933,160,000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	0	-
Chi khác	-	-	-	(46,039,928)	-	(20,844,913)	(1,510,787,311)	-
Số dư cuối năm trước	80,000,000,000	61,375,354,000	-	(46,039,928)	9,906,286,807	6,590,875,607	39,091,543,170	(1,577,672,152)
Số dư đầu năm nay	80,000,000,000	61,375,354,000	-	(46,039,928)	9,906,286,807	6,590,875,607	39,091,543,170	196,918,019,656
Tăng vốn trong kỳ	20,000,000,000	19,999,356,500	-	-	-	-	-	39,999,356,500
Bán cổ phiếu quỹ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	3,391,292,767	3,391,292,767
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(5,692,811,686)	(2,305,327,490)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	2,258,322,797	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi khác	-	-	-	46,039,928	-	-	(150,023,751)	(103,983,823)
Số dư cuối kỳ này	100,000,000,000	81,374,710,500	-	-	11,035,448,206	8,849,198,404	36,640,000,500	237,899,357,610



Nguyễn Thị Thanh Hương

Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng

Phạm Anh Tuấn

Phạm Anh Tuấn
Tổng Giám đốc